

Số: 86 /2014/QĐ-UBND Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu phí thẩm định báo cáo đánh giá  
tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Khóa XIV Kỳ họp thứ 11 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố;

Xét đề nghị của Liên ngành: Cục Thuế thành phố Hà Nội - Sở Tài chính – Sở Tư pháp – Kho bạc Nhà nước Hà Nội tại Tờ trình số 58723/TTrLN: CT-STC-TP-KBNN ngày 17 tháng 11 năm 2014,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

### Điều 2. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

**ĐVT mức thu (triệu đồng/hồ sơ)**

| Nhóm dự án                                             | Tổng mức đầu tư<br>$\leq 50$<br>tỷ đồng | Tổng mức đầu tư<br>$>50$ và $\leq 100$<br>tỷ đồng | Tổng mức đầu tư<br>$>100$ và $\leq 200$<br>tỷ đồng | Tổng mức đầu tư<br>$>200$ và $\leq 500$<br>tỷ đồng | Tổng mức đầu tư<br>$> 500$<br>tỷ đồng |
|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường  | 5                                       | 5,2                                               | 5,4                                                | 6                                                  | 6,8                                   |
| Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng                      | 6,0                                     | 6,5                                               | 6,7                                                | 7,5                                                | 8,5                                   |
| Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật                         | 6,7                                     | 7,3                                               | 7,5                                                | 8,5                                                | 9,5                                   |
| Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản        | 7,0                                     | 7,5                                               | 7,7                                                | 8,6                                                | 9,8                                   |
| Nhóm 5: Dự án giao thông                               | 7,2                                     | 7,8                                               | 8,0                                                | 9,0                                                | 10                                    |
| Nhóm 6: Dự án công nghiệp                              | 7,5                                     | 8,0                                               | 8,4                                                | 9,5                                                | 11                                    |
| Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6) | 5                                       | 5,2                                               | 5,4                                                | 6                                                  | 6,8                                   |

2. Trường hợp thẩm định lại: mức thu phí được xác định bằng 50% mức thu tại bảng trên.

### **Điều 3. Đơn vị thu phí**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Đơn vị thu phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí, mức thu, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền phí phải cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp theo quy định.

### **Điều 4. Quản lý sử dụng tiền phí thu được**

1. Đơn vị thu phí nộp 10 phần trăm (10%) vào ngân sách nhà nước và để lại 90 phần trăm (90%) trên số tiền phí thu được để chi cho việc thẩm định và tổ chức thu phí thẩm định.

2. Đơn vị thu phí có trách nhiệm quản lý, kê khai, quyết toán, nộp ngân sách và sử dụng số tiền phí được để lại theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 07 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

### **Điều 5. Chứng từ thu phí**

Sử dụng biên lai thu phí do Cơ quan thuế phát hành hoặc tự in, đặt in theo quy định tại Thông tư 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn và Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục

trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

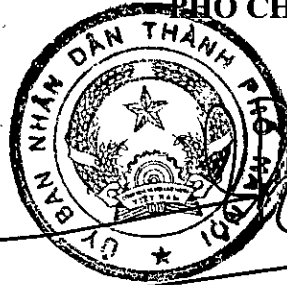
**Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH TP;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Ban KTNS HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- VPUB: CPVP, các phòng CV;
- TT Tin học Công báo TP, Cổng giao tiếp điện tử TP;
- Lưu: VT. *va*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH *ll***

**PHÓ CHỦ TỊCH *lf***



**Nguyễn Văn Sửu**